TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/ HSST
Ngày: 24 – 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và ông Huỳnh Khắc Hiếu

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/HSST-QĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 của TAND thành phố Tuy Hòa đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh ngày 18/4/2002; Giới tính: Nam; ĐKHKTT và chỗ ở: Đường L, Phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1972, mẹ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/4/2021.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Trần Minh T (tên gọi khác: Chuột), sinh năm 1996; Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ tạm trú: đường N, Khu phố M, PhườngY, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Trần Ngọc K, sinh năm 2001; địa chỉ: Đường L, Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1972, địa chỉ: Đường L, Phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã HM, huyện T1, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ tạm trú: đường N, Khu phố M, PhườngY, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Nguyễn Phước D, sinh ngày 11/7/2003; Địa chỉ: đường L, Phường K1, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T và Trần Minh T là bạn bè ngoài xã hội, Minh T đang thuê trọ tại đường N, Khu phố M, PhườngY, Tp. T, tỉnh Phú Yên. T hay qua chơi nên biết được Minh T thường cất giấu chìa khóa tại trụ cổng bê tông trước dãy trọ. Tối ngày 02/02/2021, T đến phòng trọ của Minh T chơi, biết Minh T đã chuẩn bị tiền để chuộc xe của Minh T cầm cố trước đó. Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 03/02/2021, T điều khiển xe máy hiệu Vision, màu trắng đen, biển kiểm soát 78C1-621.85 đến phòng trọ của Minh T để nhờ đi vệ sinh. Thấy phòng trọ của Minh T đóng cửa nên bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo T lấy chìa khóa phòng trọ để ở trụ cổng, mở cửa vào bên trong, bị cáo T lục balo thấy bên trong có 01 ví da màu đen, bên trong ví da có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nên bị cáo lấy hết tiền rồi cất giấu trong áo khoác rồi đi về. Số tiền chiếm đoạt được tổng cộng là 16.500.000 đồng, bị cáo T sử dụng để trả nợ cho Nguyễn Trần Ngọc K 5.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân 30.000 đồng, còn lại 11.470.000 đồng. Chiều ngày 03/02/2021, bị hại Minh T phát hiện bị mất số tiền trên nên đã trình báo Cơ quan công an. Tại cơ quan điều tra, T khai nhận hành vi trộm cắp và giao nộp toàn bộ số tiền 11.470.000 đồng.

*Vật chứng đang tạm giữ chờ xử lý: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 11.470.000 đồng (Đã nộp tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên).

*Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Minh T đã nhận lại số tiền 16.500.000 đồng do bị cáo bồi thường, không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 55/CT-VKS ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tâm.

Đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Minh T đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm, đề nghị HĐXX xem xét theo quy định pháp luật.

Vật chứng của vụ án đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo số tiền 11.470.000 đồng đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Tr trình bày: Số tiền 16.500.000 đồng trả cho bị hại là do gia đình tự nguyện trả, không yêu cầu bị cáo T phải bồi hoàn lại. Xe vision đen trắng, biển kiểm soát 78C1-621.85 là của ông Tr làm chủ sở hữu. Khi bị cáo sử dụng xe để trộm cắp thì ông Tr hoàn toàn không biết, do đó đề nghị HĐXX xem xét. Mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đến tham gia phiên tòa, nhưng bị hại Trần Minh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trần Ngọc K, người làm chứng Nguyễn Thị H vắng mặt. Bị hại đã nhận tiền bồi thường đủ, không yêu cầu bồi thường gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, họ vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, HĐXX

căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử theo quy định.

[3] Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau: "Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 03/02/2021, lợi dụng khi bị hại Trần Minh T không ở nhà trọ tại địa chỉ đường N, Khu phố M, PhườngY, Tp. T, tỉnh Phú Yên, bị cáo Nguyễn Hữu T đã có hành vi lấy chìa khóa phòng trọ của bị hại Trần Minh T cất ở trụ cổng bêtông, mở cửa phòng, lục lấy tiền của bị hại, tổng số tiền chiếm đoạt được là 16.500.000 đồng".

[4] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm phạm tội, phương tiện sử dụng để phạm tội, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, các vật chứng thu giữ được. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Bị cáo và bị hại là bạn bè chơi chung, bị hại Minh T tin tưởng bị cáo, cho bị cáo biết được vị trí để chìa khóa phòng, thỉnh thoảng cho bị cáo đến ngủ cùng phòng. Tuy nhiên, bị cáo không tôn trọng sự tin tưởng của bị hại, khi biết bị hại có tiền, bị cáo đã không kiềm chế được lòng tham của mình, lợi dụng sơ hở khi bị hại vắng nhà đã thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự công cộng. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ nhận thức, biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm do bản thân gây ra.

[6] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T đã nộp số tiền 11.470.000 đồng khắc phục hậu quả, tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại 16.500.000 đồng cho bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, xét bị cáo Tâm được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[8] Bị cáo Nguyễn Hữu T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo Tâm có nơi cư trú rõ ràng, đang lao động phụ giúp gia đình, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải chấp hành án phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình để theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, vừa thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Minh T đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Tâm không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11] Về vật chứng vụ án gồm có:

- Số tiền 11.470.000 đồng bị cáo đã giao nộp cho cơ quan điều tra ngày 03/2/2021. Ngày 22/4/2021, cơ quan điều tra đã nộp số tiền này vào tài khoản số 394909040413 của cơ quan Công an thành phố Tuy Hòa mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên. Bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường 16.500.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm nên cần trả lại cho bị cáo số tiền 11.470.000 đồng.

- Xe mô tô hiệu Vision đen trắng, biển kiểm soát 78C1-621.85, chủ sở hữu là của ông Nguyễn Hữu Tr, không biết bị cáo sử dụng xe để trộm cắp tài sản nên không có căn cứ tịch thu.

Tạm giữ theo hồ sơ: 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh sự việc.

[12] Đối với hành vi của Nguyễn Trần Ngọc K: Nguyễn Trần Ngọc K nhận 5.000.000 đồng do bị cáo T trả nợ nhưng K không biết và cũng không hỏi tiền T lấy ở đâu mà có để trả nợ. Bị cáo cũng không nói gì cho K biết về nguồn gốc số tiền nên cơ quan điều tra không xem xét hành vi của K là phù hợp.

[13] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt: Nguyễn Hữu T 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường M trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự , Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Trả lại cho bị cáo số tiền 11.470.000 đồng bị cáo đã nộp tại Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật ngày 03/02/2021, Giấy nộp tiền vào tài khoản số 394909040413 của Công an thành phố Tuy Hòa tại kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên ngày 22/4/2021.

- Tạm giữ theo hồ sơ: 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh sự việc.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.Tuy Hòa;
- CQCSĐT Tp. Tuy Hòa;
- CQ THAHS Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên.
- Lưu AV, HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Uyên